

Biểu đồ giá



Thông tin cổ phiếu vào ngày 4/08/2010

Giá CP (đồng)	71,000
Số lượng niêm yết hiện tại	9,000,000
Số lượng CP đang lưu hành	9,000,000
Giá cao nhất trong 52 tuần	78,500
Giá thấp nhất trong 52 tuần	56,000
Thay đổi giá trong 3 tháng	-4.70%
Thay đổi giá trong 6 tháng	17.34%
Thay đổi giá trong 12 tháng	20.20%
Khối lượng giao dịch (cp)	1,130
Giá trị giao dịch (triệu đồng)	80
GT vốn hóa t.t (triệu đồng)	639,000
GT vốn hóa t.t (triệu USD)	33,459
Số lượng được phép sở hữu	4,410,000
Số lượng còn được phép mua	3,449,440
% sở hữu nước ngoài	10.67%
% giới hạn sở hữu nước ngoài	49%

Nguồn: HSC

Chỉ tiêu

Đơn vị: triệu đồng	2008	2009
Tổng tài sản	183,055	296,048
Nguồn vốn CSH	101,589	197,992
Doanh thu	648,725	881,440
Lợi nhuận trước thuế	41,825	135,310
Lợi nhuận sau thuế	29,874	99,394

Chỉ số	2008	2009
Khả năng thanh khoản		
Hệ số thanh toán hiện thời	2.19	2.64
Hệ số thanh toán nhanh	1.14	1.90
Khả năng sinh lời		
Lợi nhuận biên gộp	17.78%	27.34%
Lợi nhuận biên sau thuế	4.60%	11.28%
ROE	34.47%	65.72%
ROA	17.82%	41.49%
Hiệu quả hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	13.49	16.30
Vòng quay hàng tồn kho	8.13	8.74
Vòng quay tổng tài sản	3.87	3.68
Vòng quay vốn CSH	7.49	5.83

Nguồn: LIX

Chuyên viên phân tích - Võ Thị Ngọc Hân
(84 8) 3 8233299
han.vtn@hsc.com.vn

Mô hình dự báo lợi nhuận

Đơn vị tính: triệu đồng	2007	%y/y	2008	%y/y
Tổng doanh thu	524,061	27%	651,199	24.3%
Doanh thu thuần	523,000	27%	648,725	24.0%
Lợi nhuận trước thuế	22,860	39%	41,825	83.0%
Lợi nhuận sau thuế	15,829	34%	29,874	88.7%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	4.4%		6.4%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	3.0%		4.6%	
EPS (đồng)	4,397		4,149	
BVPS (đồng)	18,679		13,992	
ROAE	24.83%		34.47%	
PE	16.1		17.1	
PB	3.8		5.1	

Đơn vị tính: triệu đồng	2009	%y/y	2010F	%y/y
Tổng doanh thu	884,573	35.8%	950,335	7.4%
Doanh thu thuần	881,440	35.9%	946,969	7.4%
Lợi nhuận trước thuế	135,310	223.5%	108,593	-19.7%
Lợi nhuận sau thuế	99,394	232.7%	80,901	-18.6%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	15.4%		11.4%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	11.3%		8.5%	
EPS (đồng)	11,044		8,989	
BVPS (đồng)	21,907			
ROAE	65.72%			
PE	6.4		7.9	
PB	3.2			

Nguồn: LIX; (F): HSC dự báo

CTCP Bọt giặt LIX (LIX - HoSE) - KQKD 6 tháng đầu năm 2010 và triển vọng cả năm. Kết quả không thật sự ấn tượng nhưng vẫn phù hợp cho đầu tư dài hạn.

- LIX đã công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm không thực sự ấn tượng nhưng vẫn theo đúng kỳ vọng của chúng tôi. Trong 6 tháng đầu năm, tổng doanh thu đạt 477 tỷ đồng, chỉ tăng 7% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 51% kế hoạch năm là 930 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 53 tỷ đồng, giảm mạnh 34% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 53% kế hoạch năm là 100 tỷ đồng.
- Nguyên nhân chính đằng sau sự suy giảm của lợi nhuận trước thuế là sự tăng mạnh của giá nguyên liệu đầu vào và nhu cầu gia công sản phẩm từ Unilever giảm. Bên cạnh đó, nhu cầu của thị trường xuất khẩu có những bước tiến khả quan bên cạnh sự gia tăng mạnh mẽ trong nhu cầu đối với các sản phẩm gắn thương hiệu riêng của các siêu thị.
- Theo đó, chúng tôi đã điều chỉnh dự báo của mình, trong đó, chúng tôi dự báo EPS đạt 8,989 đồng (dự báo trước đây là 9,644 đồng); P/E dự phóng điều chỉnh là 7.9 lần.
- Trong năm sau, LIX sẽ tăng trưởng trở lại khi nhà máy chất tẩy rửa lồng mới đi vào hoạt động vào tháng 3/2011. Tuy nhiên, đối thủ cạnh tranh trực tiếp với công ty là NET sắp niêm yết với P/E theo giá trên sàn OTC chỉ khoảng 5.3 lần, thì các nhà đầu tư nên chờ đợi và mua vào LIX khi giá cổ phiếu này giảm xuống những mức giá thấp hơn.

(Triệu đồng)	6 tháng năm 2009	6 tháng năm 2010	% tăng trưởng	% hoàn thành	Năm 2010 (Kế hoạch)	Năm 2010 (HSC dự báo)
Doanh thu	445,147	473,864	6%	51%	930,000	950,335
Lợi nhuận trước thuế	80,330	52,972	-34%	53%	100,000	108,593
Lợi nhuận sau thuế	59,667	39,729	-33%			80,901
Tỷ suất LN trước thuế	18.0%	11.2%	-38%			11.4%
Tỷ suất LN sau thuế	13.4%	8.4%	-37%			8.5%
SLCP lưu hành bình quân						9,000,000
SLCP đang lưu hành						9,000,000
Giá thị trường ngày 4/8/2010						71,000
Vốn hóa thị trường						639,000
EPS (đồng)						8,989
PE (lần)						7.9

Nguồn: LIX, HSC dự báo

Nhận định về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010

- Trong 6 tháng đầu năm 2010, tổng doanh thu đạt 477 tỷ đồng, chỉ tăng 7% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 51% kế hoạch cả năm là 930 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 53 tỷ đồng, giảm mạnh 34% so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn hoàn thành 53% kế hoạch năm là 100 tỷ đồng. Nguyên nhân chính đằng sau sự sụt giảm lợi nhuận trước thuế là sự tăng mạnh giá nguyên liệu đầu vào (làm tăng tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu), tăng 17% so với cùng kỳ năm trước trong 6 tháng đầu năm. Năm ngoái, công ty đã tích lũy lượng hàng tồn kho nguyên liệu đầu vào lớn với giá thấp. Dựa trên dự báo điều chỉnh của chúng tôi, EPS năm nay của công ty đạt 8,989 đồng (dự báo trước đây của chúng tôi là 9,644 đồng) theo đó P/E dự phóng đạt 7.9 lần.
- Chúng tôi đã có cuộc trao đổi qua điện thoại với LIX vào thứ 6 tuần trước và được biết rằng doanh thu 6 tháng đầu năm đạt được chủ yếu là nhờ giá bán bình quân tăng 5% từ đầu tháng 4 trong khi sản lượng sản xuất giảm nhẹ từ 60,500 tấn trong 6 tháng đầu năm 2009 xuống còn 59,800 tấn trong 6 tháng đầu năm 2010. Trong đó, sản lượng các sản phẩm do công ty sản xuất (bao gồm bột giặt và chất tẩy rửa lồng) đạt 32,800 tấn, tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ năm ngoái và hoàn thành theo đúng kế hoạch. 27,000 tấn còn lại là sản xuất theo đơn đặt hàng cho Unilever, giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái.
- 6 tháng đầu năm là khoảng thời gian không thật sự thuận lợi cho các doanh nghiệp chuyên sản xuất và kinh doanh chất tẩy rửa, trong đó có cả Unilever, vốn là công ty bột giặt lớn nhất trên tại Việt Nam do

nhu cầu trong nước giảm và cộng thêm vào đó là do cạnh tranh tăng. Do đó, sản lượng sản phẩm gia công cho Unilever giảm. Qua cuộc trao đổi với LIX, chúng tôi được biết là LIX hiện tại đang đàm phán để cải thiện những điều khoản về sản xuất gia công do lương cơ bản của công nhân đã tăng 12% so với cùng kỳ năm trước vào tháng 5/2010.

- Nhu cầu gia công từ Unilever giảm đã được bù đắp bởi sự tăng trưởng mạnh của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường Nhật Bản và Philippine. Sản lượng xuất khẩu tăng 12% so với cùng kỳ năm trước; tổng doanh thu xuất khẩu đạt khoảng 146 tỷ đồng, tăng 17%. Tuy nhiên, trong hoạt động xuất khẩu, có một sự sụt giảm nhẹ trong nhu cầu đối với bột giặt LIX tại thị trường Campuchia, vốn là một trong những thị trường xuất khẩu chủ chốt của LIX do thị trường này có mức độ cạnh tranh cao. Trong thời gian gần đây, có nhiều công ty bột giặt của Việt Nam tham gia thị trường này và tạo ra những cuộc cạnh tranh về giá khá mạnh mẽ.
- Trong 6 tháng đầu năm trong mảng kinh doanh các sản phẩm của công ty sản xuất, doanh thu từ các sản phẩm của công ty mang thương hiệu của Metro, Co-op Mart và BigC tăng mạnh với tốc độ tăng trưởng bình quân là 60% so với cùng kỳ năm trước. Mức tiêu thụ các sản phẩm mang thương hiệu Metro, Co-op Mart và BigC đã cao hơn so với các sản phẩm của chính công ty trong kênh phân phối thông qua siêu thị. Từ đầu năm, các đơn hàng từ các đối tác này đã tăng đáng kể do sự đa dạng hóa chủng loại và quy mô sản phẩm. Tỷ suất lợi nhuận gộp của các sản phẩm mang nhãn hiệu của LIX cũng như mang thương hiệu riêng của các siêu thị là khoảng 35%, công ty cho rằng tỷ suất lợi nhuận có thể được cải thiện nhờ sản lượng đầu ra tăng. Doanh thu 6 tháng đầu năm từ việc mua bán nguyên liệu đầu vào đạt 53 tỷ đồng, tăng 180% so với cùng kỳ năm

Tổng sản lượng	6 tháng năm 2010	6 tháng năm 2009	% tăng trưởng	6 tháng năm 2010 (Kế hoạch)	Năm 2010 (Kế hoạch)	Năm 2009 (Thực hiện)
Gia công cho Unilever	27,000	29,000	-7%	29,000	58,000	56,800
Hàng sản xuất	32,800	31,500	4%	33,000	66,000	63,200
Xuất khẩu	11,330	10,116	12%	na	na	na
Tổng cộng	59,800	60,500	-1%	62,000	124,000	120,000

Nguồn: LIX, HSC

trước. Trong đó, LIX nhập khẩu các hạt nhựa và bán cho các công ty chuyên đóng gói vốn là các nhà cung cấp của LIX để sản xuất túi bột và bao bì cho các sản phẩm của LIX. Sau khi trao đổi với công ty, chúng tôi được biết lợi ích chính của việc này là đây là lĩnh vực kinh doanh ít rủi ro mặc dù tỷ suất lợi nhuận thấp, chỉ đạt 6%.

- Trong 6 tháng đầu năm, giá vốn hàng bán đạt 377 tỷ đồng, tăng 21%. Giá của chất hoạt động bề mặt (LAS) tăng mạnh 17% tính từ đầu năm, từ 1,150USD/tấn vào cuối năm 2009 lên 1,350USD/tấn vào cuối Q2. Bên cạnh đó, giá các loại nguyên liệu đầu vào khác như soda, sulphonie và các nguyên liệu đầu vào khác cũng tăng khoảng 10% kể từ cuối năm ngoái. Và do đó, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng lên 79% so với mức 70% trong 6 tháng đầu năm 2009 và theo đó tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống 21% từ mức 30%.
- Thu nhập từ hoạt động tài chính tăng 189% so với cùng kỳ năm ngoái, từ 3.3 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2009 lên 9.5 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2010 nhờ thu nhập từ lãi tiền gửi đạt 4.8 tỷ đồng (6 tháng đầu năm ngoái chỉ đạt 152 triệu đồng). Trong 6 tháng đầu năm, công ty có tổng cộng 62.8 tỷ đồng tiền gửi ngắn hạn thời hạn từ 1-3 tháng (thông qua ngân hàng và công ty Đầu tư tài chính của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) do công ty thu về vốn đầu tư cho nhà máy mới, với lãi suất gửi tiền bình quân là 11.5%/năm. Và công ty đã nhận được 3.95 tỷ đồng từ việc bán ngoại hối so với 3.1 tỷ đồng trong cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính đạt 1.2 tỷ đồng, giảm mạnh 41% so với cùng kỳ năm trước từ mức 2 tỷ đồng đạt được trong 6 tháng đầu năm 2009. Trong đó, chi phí lãi vay đạt 47 triệu đồng, tăng 17% và lỗ tỷ giá là 1.16 tỷ đồng so với mức 2 tỷ đồng năm ngoái. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý đạt 53 tỷ đồng, giảm nhẹ 5% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 11% tổng doanh thu so với mức 12% trong cùng kỳ năm 2009.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 53 tỷ đồng, giảm 34%; tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 11.2%, giảm từ mức 18% năm ngoái. Lợi nhuận thuần đạt gần 40 tỷ đồng, giảm 33%; tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 8.4% (cùng kỳ năm ngoái đạt 13.4%).
- Trong 6 tháng cuối năm và cả năm 2010, chúng tôi đã điều chỉnh giảm dự báo doanh thu từ 1,013 tỷ đồng xuống 950 tỷ đồng (giảm 6% so với dự báo ban đầu của chúng tôi) do nhu cầu gia công sản phẩm giảm. Theo đó, chúng tôi cũng điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận trước thuế từ 116.5 tỷ đồng xuống 109 tỷ đồng (giảm 6% so với dự báo ban đầu của chúng tôi) và dự báo lợi nhuận thuần đạt 80.9 tỷ đồng. Với sự điều chỉnh này, EPS dự phóng năm 2010 đạt 8,989 đồng; P/E dự phóng đạt 7.9 lần.
- Nhà máy sản xuất chất tẩy rửa lỏng nằm tại Khu công nghiệp Đại Đăng mới xin được giấy phép xây dựng từ chính quyền địa phương. Hiện tại, LIX đang lựa chọn nhà thầu xây dựng nhà máy này và công ty dự kiến nhà máy sẽ được xây dựng và đưa vào hoạt động vào tháng 3/2011. Do vậy, từ năm 2011 trở đi, chúng tôi cho rằng LIX sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng cao hơn. Bên cạnh việc sẽ đạt được thêm lợi thế kinh tế theo quy mô thì công ty còn có thêm diện tích dành cho việc lưu trữ hàng và theo đó công ty sẽ dễ dàng tích trữ nguyên liệu đầu vào nếu nhận thấy sắp có sự biến động về giá cả.
- Tuy nhiên, chúng tôi cũng muốn đưa ra lưu ý là vào cuối quý này, NET, đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong ngành bột giặt với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng sẽ niêm yết trên sàn HNX. Với giá gần đây nhất trên OTC là khoảng 100,000đ/cp và dựa trên dự báo về EPS năm 2010 là 18,871 đồng, thì NET hiện có P/E dự phóng là 5.3 lần. Do đó, mặc dù chúng tôi ưa chuộng LIX dựa trên tiềm năng phát triển dài hạn, thì chúng tôi vẫn khuyến nghị các nhà đầu tư nên chờ đợi và mua vào cổ phiếu LIX khi giá giảm.

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CTCP Bột giặt LIX_Mã cổ phiếu: LIX - HoSE

Thứ tư, ngày 4 tháng 08 năm 2010

Báo cáo KQHĐKD năm (Đơn vị tính: triệu đồng)	2007	y/y%	2008	y/y%	2009	y/y%
Doanh thu thuần	523,000	26.54%	648,725	24.04%	881,440	35.9%
Giá vốn hàng bán	430,857	25.58%	533,378	23.79%	640,480	20.1%
Lợi nhuận gộp	92,144	31.23%	115,346	25.18%	240,960	108.9%
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	1,988	13.27%	2,776	39.65%	10,283	270.4%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	56,306	0.00%	77,280	37.25%	116,163	50.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37,826	141.46%	40,843	7.98%	135,080	230.7%
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	983	26.82%	983	-0.01%	230	-76.6%
Lợi nhuận trước thuế	22,860	39.05%	41,825	82.96%	135,310	223.5%
Lợi nhuận sau thuế	15,829	33.64%	29,874	88.73%	99,394	232.7%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	15,829	33.64%	29,874	88.73%	99,394	232.7%

Nguồn: LIX

Lịch sử hình thành và phát triển

- 1972** Tiền thân của công ty, Công ty Kỹ nghệ hóa phẩm Huân Huân được thành lập
- 1992** Công ty bột giặt Lix được thành lập
- 2003** Cổ phần hóa, chuyển thành Công ty cổ phần bột giặt Lix
- 2008** Tăng vốn điều lệ từ 36 lên 72 tỷ đồng
- 2009** Tăng vốn điều lệ từ 72 lên 90 tỷ đồng
Niêm yết trên Hose

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm về chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm;
Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì;
Kinh doanh bất động sản.

Sản phẩm, dịch vụ và thị trường

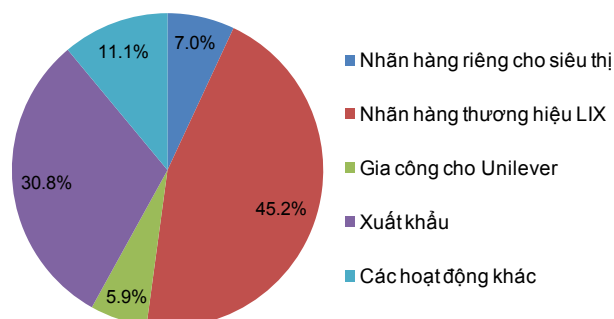
Sản phẩm chủ lực: Doanh thu của công ty (tính đến cuối quý 2 năm 2010) chủ yếu đạt được từ việc kinh doanh các mặt hàng do chính công ty tham gia sản xuất (89%). Sản phẩm bột giặt chính mang lại lợi nhuận cho LIX chính là LIX extra, LIX siêu sạch. Ngoài ra, công ty cũng có sản phẩm cao cấp hơn như LIX Compact chuyên dùng cho máy giặt. Thế mạnh về sản phẩm của công ty CP Bột giặt LIX là các sản phẩm Việt Nam chất lượng cao và giá rẻ. Thị trường chính của LIX là tập trung chủ yếu vào người tiêu dùng có mức thu nhập trung bình và thấp.

Thị trường: CTCP Bột giặt LIX là công ty sản xuất chất tẩy rửa nội địa hàng đầu tại Việt Nam hiện nay. Sản phẩm của công ty chủ yếu ở khu vực miền Tây Nam Bộ (chiếm hơn 50% doanh thu). Thị phần của LIX (tính đến cuối năm 2009) đạt 8% toàn thị trường chất tẩy rửa. LIX cũng là công ty đầu tiên xuất khẩu hàng sang thị trường Nhật (một thị trường khó tính) bên cạnh các thị trường ở Châu Á như: Philipin, Campuchia,...

Chiến lược phát triển

Xây dựng mới nhà máy sản xuất chất tẩy rửa lồng tại Khu Công Nghiệp Đại Đăng, Bình Dương với tổng giá trị đầu tư là 84 tỷ đồng, công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.
Liên tục cải tiến chất lượng cũng như là bao bì sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đẩy mạnh kênh bán hàng qua siêu thị để có thể gia tăng thị phần của mình trong tương lai.
Giữ vững và mở rộng thị phần, giữ mức tăng trưởng ổn định qua các năm. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động xuất khẩu.

Cơ cấu doanh thu 6 tháng đầu năm 2010



Nguồn - LIX

Vị thế công ty trong ngành

Hiện nay, LIX đứng thứ 2 thị trường chỉ sau thị phần của Unilever, và vượt qua thị phần của P&G tại Việt Nam ở mặt hàng bột giặt. Thị trường chất tẩy rửa lồng (chủ yếu là nước rửa chén) thì đứng thứ 3 sau Unilever và Mỹ Hảo.

Hoạt động Cty	Ngày GD không hưởng quyền	Tổng (đồng)	Năm tài chính
Chia cổ tức bằng tiền mặt	29/4/2010	3,000/cp	2009

Cơ cấu sở hữu vào 4/8/2010	Số lượng CP	%
Trong nước	8,039,440	89.33%
Nước ngoài	960,560	10.67%

Thông tin liên hệ	
Trụ sở:	Khu phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại:	84 (8) 896-4072
Fax:	84 (8) 896-7522
Web site:	www.lixco.com
Vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2010	90,000,000,000 đồng

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

SWOT

Điểm mạnh

- Hàng Việt Nam chất lượng cao. Giá cả phải chăng, phù hợp với người VN có mức thu nhập trung bình và thấp. Sản phẩm của LIX là sản phẩm nội địa đầu tiên xuất khẩu sang thị trường Nhật, một thị trường khó tính.
- Hệ thống phân phối rộng, trải đều trên cả nước cũng như các hệ thống siêu thị tại các thành phố lớn, thông qua Coop Mart, BigC, Metro, Vinatex, Lotte,...
- Năng lực sản xuất cao, với công suất thiết kế nhà máy lên đến 175,000 tấn/năm và từ năm 2011, công suất của nhà máy chất tẩy rửa lỏng sẽ tăng thêm 50%.
- Ban lãnh đạo có nhiều năm gắn bó với LIX, am hiểu về công ty và tận tâm với sự phát triển của công ty.

Điểm yếu

- Mặc dù kết quả 6 tháng đầu năm theo đúng kế hoạch của công ty tuy nhiên, doanh thu tăng ở mức thấp (6%) trong khi đó lợi nhuận sau thuế giảm 33% vì giá cả nguyên vật liệu tăng cao và LIX chưa có biện pháp hiệu quả để giảm thiểu hoặc chuyển các rủi ro này cho nhà cung cấp.
- LIX gặp khó khăn trong vấn đề quảng bá hình ảnh của sản phẩm mình bởi ngân sách cho Marketing còn hạn hẹp. Trong khi đó, thị trường nội địa đã bị chiếm lĩnh phần lớn bởi Unilever với các nhãn hiệu OMO, Surf, Viso.
- Ban lãnh đạo tuy rất am hiểu về công ty, nhưng không thực sự năng động để có thể xúc tiến các hoạt động Marketing cũng như khá thận trọng trong việc đưa ra chiến lược phát triển trong tương lai.

Cơ hội

- Đời sống của người dân được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng đối với hàng chất tẩy rửa được tăng cao, nhất là ở các vùng nông thôn.
- Sản phẩm LIX đã được người dân biết đến nhiều hơn trong thời gian gần đây, và đang có một sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng từ hàng thương hiệu cao sang hàng Việt Nam chất lượng cao, giá vừa phải.

Thách thức

- LIX chịu khá nhiều rủi ro và thách thức từ những biến động giá đầu vào. Hầu hết những nguyên vật liệu đều phụ thuộc nhiều vào biến động của giá dầu thế giới.
- 48% tổng sản lượng sản xuất của LIX là gia công cho Unilever, do đó sẽ rất là khó khăn nếu có một sự biến động nào đó trong nhu cầu gia công của Unilever tại LIX.

	Tên & Chức danh	Trình độ chuyên môn
Hội đồng quản trị	Lâm Văn Kiệt - Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư Tự động hóa Công nghiệp
	Nguyễn Thị Phương Liên - Phó Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
	Võ Thành Danh - Thành viên HĐQT	Kỹ sư Điện Công nghiệp
	Lê Thị Liên - Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế
Ban Kiểm soát	Đoàn Thị Tám - Thành viên HĐQT	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
	Đào Quang Toàn - Trưởng Ban Kiểm soát	Cử nhân kinh tế
	Nguyễn Ngọc Quang - Thành viên Ban Kiểm soát	Quản lý sản xuất
Ban Giám đốc	Huỳnh Thị Diễm Lệ - Thành viên Ban Kiểm soát	Cử nhân kinh tế
	Lâm Văn Kiệt - Tổng Giám đốc	Kỹ sư Tự động hóa Công nghiệp
	Nguyễn Phước Hùng - Phó Giám đốc	Kỹ sư Cơ khí

Nguồn - LIX

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CTCP Bột giặt LIX_Mã cổ phiếu: LIX - HoSE

Thứ tư, ngày 4 tháng 08 năm 2010

Đơn vị: triệu đồng

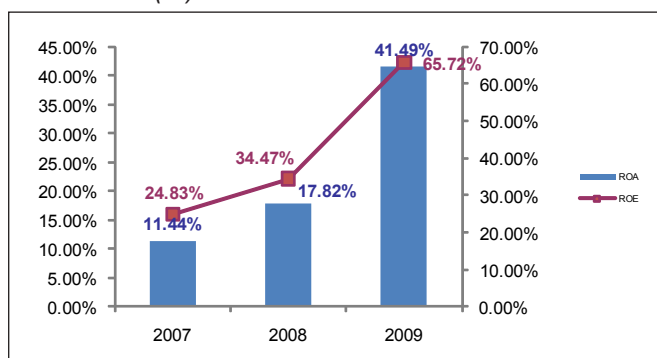
Bảng cân đối kế toán năm	2007	2008	2009
Tài sản ngắn hạn	125,716	162,957	246,017
Tiền & các khoản đương tiền	13,329	22,251	94,475
Đầu tư ngắn hạn	21,071	-	25,913
Các khoản phải thu	37,664	61,261	48,867
Hàng tồn kho	53,171	78,066	68,578
Tài sản ngắn hạn khác	480	1,379	8,184
Tài sản dài hạn	26,458	20,098	50,031
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	25,663	19,432	12,632
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	794	666	37,399
Lợi thế thương mại	-	-	-
Tổng tài sản	152,173	183,055	296,048
Nợ phải trả	82,492	79,418	97,229
Nợ ngắn hạn	76,206	74,379	93,299
Nợ dài hạn	6,286	5,039	3,930
Vốn chủ sở hữu	69,681	103,638	198,819
Vốn chủ sở hữu	68,112	101,589	197,992
Nguồn vốn khác & Quỹ	1,569	2,048	827
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
Tổng nguồn vốn	152,173	183,055	296,048
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2007	2008	2009
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-	(3,845)	98,199
Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư	-	1,590	(24,915)
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-	(7,191)	(1,060)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-	(9,447)	72,224
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	-	31,400	22,251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	297	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	-	22,251	94,475
Tốc độ tăng trưởng (%)	2007	2008	2009
Tốc độ tăng trưởng doanh thu	26.54%	24.04%	35.87%
Tốc độ tăng trưởng LN trước thuế	39.05%	82.96%	223.51%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	33.64%	88.73%	232.71%
Kế hoạch kinh doanh năm 2010			
Doanh thu (triệu đồng)			930,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			5.10%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)			100,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			-26.10%

Các chỉ tiêu liên quan đến định giá	4/08/2010		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,000,000		
Thị giá	71,000		
Vốn hóa thị trường (triệu đồng)	639,000		
	2007	2008	2009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,600,000	7,200,000	9,000,000
Số lượng CP đang lưu hành bình quân	3,600,000	7,200,000	9,000,000
EPS (đồng)	4,397	4,149	11,044
P/E	16.15	17.11	6.43
EV/EBITDA	24.92	13.42	4.44
BVPS (đồng)	18,679	13,992	21,907
P/B	3.80	5.07	3.24
Doanh thu/ 1 cp (đồng)	145,278	90,101	97,938
Giá/doanh thu	0.49	0.79	0.72
DPS (đồng)	2,000	2,000	3,000
Cổ tức/Giá	2.82%	2.82%	4.23%
Cổ tức/LN sau thuế	45%	48%	27%
Hiệu quả hoạt động	2007	2008	2009
Vòng quay các khoản phải thu	20.29	13.49	16.30
Vòng quay hàng tồn kho	9.12	8.13	8.74
Vòng quay các khoản phải trả	10.64	10.45	11.78
Vòng quay tổng tài sản	3.78	3.87	3.68
Khả năng thanh khoản	2007	2008	2009
Hệ số thanh toán hiện hành	1.65	2.19	2.64
Hệ số thanh toán nhanh	0.95	1.14	1.90
Hệ số thanh toán bằng tiền	0.45	0.30	1.29
Khả năng sinh lời (%)	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên gộp	17.62%	17.78%	27.34%
Lợi nhuận biên trước thuế	4.37%	6.45%	15.35%
Lợi nhuận biên sau thuế	3.03%	4.60%	11.28%
ROA	11.44%	17.82%	41.49%
ROE	24.83%	34.47%	65.72%
Phân tích Dupont	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên sau thuế	3.03%	4.60%	11.28%
Vòng quay tổng tài sản	3.78	3.87	3.68
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	2.17	1.93	1.58
ROE	24.83%	34.47%	65.72%
Cơ cấu vốn	2007	2008	2009
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.18	0.77	0.49
Nợ/Tổng tài sản	0.54	0.43	0.33

Nguồn - LIX, HSC

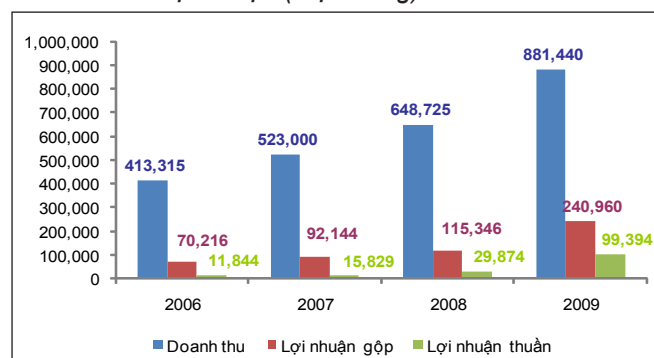
Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

ROA - ROE (%)



Nguồn - LIX, HSC

Doanh thu - Lợi nhuận (triệu đồng)



Nguồn - LIX, HSC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng cân đối kế toán quý	Q4 2008	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010
Tài sản ngắn hạn	162,957	-	-	253,157	246,017	259,003	262,553
Tiền & các khoản đương tiền	22,251	-	-	90,313	120,388	94,036	36,414
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-	-	25,913	62,813
Các khoản phải thu	61,261	-	-	100,124	48,867	62,696	68,068
Hàng tồn kho	78,066	-	-	60,612	68,578	72,298	87,288
Tài sản ngắn hạn khác	1,379	-	-	2,108	8,184	4,060	7,970
Tài sản dài hạn	20,098	-	-	14,452	50,031	48,645	48,674
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	19,432	-	-	13,782	12,632	11,419	11,387
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	666	-	-	670	37,399	37,226	37,287
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	183,055	-	-	267,609	296,048	307,649	311,227
Nợ phải trả	79,418	-	-	86,055	97,229	89,984	102,148
Nợ ngắn hạn	74,379	-	-	81,988	93,299	86,481	98,612
Nợ dài hạn	5,039	-	-	4,066	3,930	3,503	3,536
Vốn chủ sở hữu	103,638	-	-	181,554	198,819	217,665	209,079
Vốn chủ sở hữu	101,589	-	-	180,646	197,992	218,245	201,708
Nguồn vốn khác & Quỹ	2,048	-	-	908	827	(579)	7,371
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	183,055	-	-	267,609	296,048	307,649	311,227

Báo cáo KQ hoạt động kinh doanh quý	Q4 2008	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010
Doanh thu thuần	-	200,065	245,081	219,867	216,427	233,798	240,066
Giá vốn hàng bán	-	140,598	170,213	164,400	165,269	183,104	193,453
Lợi nhuận gộp	-	59,468	74,868	55,467	51,157	50,695	46,613
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	-	(55)	1,306	2,761	6,272	3,942	4,336
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	-	27,968	27,524	27,745	32,927	26,213	26,477
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	31,445	48,650	30,483	24,502	28,423	24,472
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	-	230	5	171	111	(3)	80
Lợi nhuận trước thuế	-	31,675	48,655	30,654	24,613	28,420	24,552
Lợi nhuận sau thuế	-	23,756	35,910	22,990	18,303	21,315	18,414
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ	-	23,756	35,910	22,990	18,303	21,315	18,414

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi HSC hoặc một trong các chi nhánh để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài. Các thông tin trong báo cáo được HSC xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty, HSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Giá cả và các công cụ tài chính có thể thay đổi mà không báo trước. HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Cán bộ của HSC có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo. Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.



TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3, Tòa nhà Capital Place
6 Thái Văn Lung, Quận 1, TPCHM
T : (+84 8) 3 823 3299
F : (+84 8) 3 823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
T : (+84 4) 3 933 4693
F : (+84 4) 3 933 4822

E: infor@hsc.com.vn **W**: www.hsc.com.vn